

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 02 - 2021
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thùy Hương và bà Nguyễn Thị Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 18 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Quỳnh H, sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Quảng Bình. *Có đơn xin xử vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Anh Ngô Văn C; nơi cư trú: thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Quảng Bình. *Vắng mặt lần thứ 2.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 10 năm 2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị Quỳnh H trình bày:*

- Về hôn nhân: Ngày 17/4/2015, chị và anh C tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Z, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở mai mối của gia đình. Sau khi kết hôn, chị mới biết được anh C bị vô sinh nên vợ chồng không có con với nhau nên tình cảm đã dần phai nhạt. Hiện tại, vợ chồng đã sống ly thân nhau mỗi người mỗi nơi, không còn sự quan tâm, thương yêu chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân trên thực tế không còn tồn tại trong thời gian dài. Vì vậy, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh C.

- Về con chung và tài sản chung: Chị H khai nhận vợ chồng không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về phía bị đơn anh Ngô Văn C:* Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và ngày 21/12/2020 anh Cường đã ký nhận Thông báo thụ lý vụ án và giấy tiêu tập của Tòa án do Công an xã Y giao trực tiếp (BL: 27). Tuy nhiên, anh C đều vắng mặt trong các buổi làm việc không có lý do. Vì vậy, trong quá trình giải quyết vụ án anh C không có bất cứ ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của chị H. Do đó, Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi anh C cư trú theo đúng quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục niêm yết công khai và tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nơi bị đơn cư trú giải quyết. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Xét thấy, ngày 13/11/2020 nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì lý do công việc làm ăn xa, đi lại khó khăn; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 49/2015, quyển số 01/2015 của UBND xã Y, huyện Z, tỉnh Quảng Bình đã có đủ cơ sở xác nhận anh Ngô Văn C và chị Hoàng Thị Quỳnh H đã đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 17/4/2015. Do đó, việc kết hôn của các đương sự là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận.

Về quan hệ hôn nhân theo chị H trình bày, thì vợ chồng kết hôn với nhau trên cơ sở mai mối của hai gia đình nên sau khi kết hôn giữa hai người đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp. Mặt khác, do anh C bị vô sinh nên vợ chồng không thể có con chung với nhau, cho nên tình cảm vợ chồng càng thêm phai nhạt vì không có sự níu kéo, ràng buộc lẫn nhau. Do đó, vợ chồng đã sống ly thân nhau trong một thời gian dài, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đối với anh C mặc dù đã được Tòa án thông báo việc chị H có đơn yêu cầu ly hôn, nhưng anh C cũng không có bất cứ ý kiến gì và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án đã cho thấy thái độ bỏ mặc của anh C đối với tình cảm vợ chồng. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng các đương sự không còn yêu thương quý trọng lẫn nhau, đời sống hôn nhân trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị H yêu

cầu ly hôn anh C là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị H khai nhận vợ, chồng không có con chung và tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết và anh C không có ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Hoàng Thị Quỳnh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị Quỳnh H ly hôn anh Ngô Văn C.

2. Về con chung, tài sản chung: Đương sự khai nhận không có và không yêu cầu giải quyết, cho nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị Quỳnh H phải chịu nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0000482 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND huyện Bồ Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bồ Trạch;
- UBND xã Y, huyện Z, QB;
- GCNKH số: 49/2015, ngày 17/4/2015)
- Các đương sự;
- Lưu: HSA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Trung Thành